



Thành phần:

Mỗi viên nang cứng chứa:

Piracetam.....400 mg
Cinarizin.....25 mg
Tá dược.....vừa đủ

Chỉ định, cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

GMP - WHO

ZENPERAM[®]
400/25

▶ Piracetam 400 mg
▶ Cinarizin 25 mg

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

LSX:

NSX:

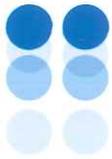
HD:

Sản xuất tại:
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA**

Lọ 200 viên nang cứng

ZENPERAM[®]
400/25
▶ Piracetam 400 mg
▶ Cinarizin 25 mg

GMP - WHO



Rx Thuốc kê đơn

ZENPERAM[®]
400/25

▶ Piracetam 400 mg
▶ Cinarizin 25 mg

Hộp 1 lọ 200 viên nang cứng

ZENPERAM[®]
400/25

Thành phần:

Mỗi viên nang cứng chứa:

Piracetam.....400 mg
Cinarizin.....25 mg
Tá dược.....vừa đủ

Chỉ định, cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Manufactured by/ Sản xuất tại:
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA**
Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp
Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương
Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

GMP - WHO



Rx Prescription drug

ZENPERAM[®]
400/25

▶ Piracetam 400 mg
▶ Cinnarizine 25 mg

Box of 200 hard capsules

ZENPERAM[®]
400/25

Composition:

Each hard capsule contains:

Piracetam.....400 mg
Cinnarizine.....25 mg
Excipients.....q.s

Indications, administration & dosage, contraindications and other information: See the accompanying leaflet.

Storage: Store in a dry place, below 30°C, protect from light.

Specification: Manufacturer's.

Keep out of reach of children.

Read the leaflet carefully before use.

Reg. No./SDK:

Batch No./LSX:

Mfg. Date/NSX:

Exp. Date/HD:



Thành phần:
Mỗi viên nang cứng chứa:
Piracetam.....400 mg
Cinarizin.....25 mg
Tá dược.....vừa đủ

Chỉ định, cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

GMP - WHO

ZENPERAM
400/25

▶ Piracetam 400 mg
▶ Cinarizin 25 mg

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

LSX:

NSX:

HD:

Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA

Lọ 100 viên nang cứng

ZENPERAM
400/25
▶ Piracetam 400 mg
▶ Cinarizin 25 mg

GMP - WHO



Rx Thuốc kê đơn

ZENPERAM
400/25

▶ Piracetam 400 mg
▶ Cinarizin 25 mg

ZENPERAM
400/25

Thành phần:
Mỗi viên nang cứng chứa:
Piracetam.....400 mg
Cinarizin.....25 mg
Tá dược.....vừa đủ

Chỉ định, cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Manufactured by/ Sản xuất tại;
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

GMP - WHO



Rx Prescription drug

ZENPERAM
400/25

▶ Piracetam 400 mg
▶ Cinnarizine 25 mg

ZENPERAM
400/25

Composition:
Each hard capsule contains:
Piracetam.....400 mg
Cinnarizine.....25 mg
Excipients.....q.s

Indications, administration & dosage, contraindications and other information: See the accompanying leaflet.

Storage: Store in a dry place, below 30°C, protect from light.

Specification: Manufacturer's.

Keep out of reach of children. Read the leaflet carefully before use.

Reg. No./SDK:

Batch No./LSX:

Mfg. Date/NSX:

Exp. Date/HD:

Box of 100 hard capsules

Hộp 1 lọ 100 viên nang cứng



ZENPERAM[®]

Piracetam 400 mg
Cinarizin 25 mg **400/25**

▶ Piracetam 400 mg
Cinarizin 25 mg

Thành phần:

Mỗi viên nang cứng chứa:

Piracetam.....400 mg

Cinarizin.....25 mg

Tá dược.....vừa đủ

Chỉ định, cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.



Rx Thuốc kê đơn

ZENPERAM[®]

Piracetam 400 mg
Cinarizin 25 mg **400/25**

▶ Piracetam 400 mg
Cinarizin 25 mg

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng

GMP - WHO

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Reg. No./SDK:

Batch No./LSX:

Mfg. Date/NSX:

Exp. Date/HD:

Manufactured by/ Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa,
Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Rx Prescription drug

ZENPERAM[®]

Piracetam 400 mg
Cinnarizine 25 mg **400/25**

▶ Piracetam 400 mg
Cinnarizine 25 mg

Box of 10 blisters x 10 hard capsules

GMP - WHO



Piracetam 400 mg
Cinnarizin 25 mg

ZENPERAM

400/25

Rx Thuốc kê đơn




Piracetam 400 mg
Cinnarizin 25 mg

Hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng



Thành phần:
Mỗi viên nang cứng chứa:
Piracetam.....400 mg
Cinnarizin.....25 mg
Tá dược.....vừa đủ

Chỉ định, cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

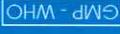
Box of 5 blisters x 10 hard capsules

Piracetam 400 mg
Cinnarizine 25 mg

ZENPERAM



Rx Prescription drug



ZENPERAM

Piracetam 400 mg
Cinnarizine 25 mg

400/25

Reg. No./SĐK:
Batch No./LSX:
Mfg. Date/NSX:
Exp. Date/HD:

Manufactured by/ Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa,
Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Rx Thuốc kê đơn

GMP - WHO



ZENPERAM
400/25

Piracetam 400 mg
Cinarizin 25 mg

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng

Thành phần:
 Mỗi viên nang cứng chứa:
 Piracetam.....400 mg
 Cinarizin.....25 mg
 Tá dược.....vừa đủ

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Chỉ định, cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

Box of 3 blisters x 10 hard capsules

Piracetam 400 mg
Cinarizin 25 mg

ZENPERAM
400/25

GMP - WHO

Rx Prescription drug

Piracetam 400 mg
Cinnarizine 25 mg

Reg. No./SDK:

Batch No./LSX:

Mfg. Date/NSX:

Exp. Date/HD:

Manufactured by/ Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
 Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa,
 Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Rx Thuốc kê đơn

GMP - WHO

ZENPERAM
400/25

Piracetam 400 mg
Cinarizin 25 mg

Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng

Piracetam 400 mg
Cinarizin 25 mg
400/25

Thành phần:
Mỗi viên nang cứng chứa:
Piracetam.....400 mg
Cinarizin.....25 mg
Tá dược.....vừa đủ

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Chỉ định, cách dùng & liều dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.
Tiêu chuẩn: TCCS.

Box of 2 blisters x 10 hard capsules

Piracetam 400 mg
Cinnarizine 25 mg
400/25

ZENPERAM

Rx Prescription drug

GMP - WHO

ZENPERAM
400/25
Piracetam 400 mg
Cinnarizine 25 mg



Reg. No./SDK:
Batch No./LSX:
Mfg. Date/NSX:
Exp. Date/HD:

Manufactured by/ Sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA
Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Rx Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

ZENPERAM 400/25

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC: Mỗi viên nang cứng chứa:

Thành phần dược chất:

Piracetam400 mg

Cinarizin.....25 mg

Thành phần tá dược:

Lactose monohydrat 80 mesh, Aerosil-200, magnesi stearat, nang cứng số 0.

DẠNG BÀO CHẾ: Viên nang cứng.

Mô tả: Viên nang cứng số 0, màu xanh-trắng, bột thuốc trong nang màu trắng, nắp và thân khít, không biến dạng, không nứt vỡ, thuốc không rơi ra ngoài.

CHỈ ĐỊNH:

- Thuốc dùng cho người lớn và trẻ em từ 5 tuổi trở lên trong các trường hợp:
- Suy mạch máu não mạn tính hoặc tiềm ẩn do xơ vữa động mạch và tăng huyết áp động mạch, đột quy do thiếu máu não cục bộ và các trường hợp sau đột quy não.
 - Suy não sau chấn thương.
 - Bệnh lý não có nguồn gốc khác nhau.
 - Hội chứng tâm thần - thực thể gây suy giảm trí nhớ và nhận thức hoặc suy giảm cảm xúc và ý chí.
 - Bệnh lý mê đạo: Chóng mặt, ù tai, buồn nôn, nôn, rung giật nhãn cầu.
 - Hội chứng Ménière.
 - Phòng chống say tàu xe và chứng đau nửa đầu.
 - Cải thiện chức năng nhận thức (học tập) ở trẻ em chậm phát triển trí tuệ.

CÁCH DÙNG & LIỀU DÙNG:

Người lớn: 1 - 2 viên x 3 lần/ngày, tùy theo mức độ bệnh (thường từ 1 đến 3 tháng).

Trẻ em từ 5 tuổi trở lên: 1 - 2 viên x 1 - 2 lần/ngày.

Không nên dùng thuốc quá 3 tháng.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Quá mẫn với piracetam, cinarizin hoặc với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Suy thận nặng.
- Chảy máu não.
- Bệnh lupus ban đỏ hệ thống.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

- Thuốc này nên được sử dụng thận trọng ở bệnh nhân rối loạn chức năng gan và/ hoặc thận, hạ huyết áp động mạch, bệnh mạch vành nặng, suy tim nặng, rối loạn chuyển hóa porphyrin, động kinh.
- Ở bệnh nhân suy thận nhẹ đến trung bình, khuyến cáo giảm liều hoặc tăng khoảng cách dùng thuốc, đặc biệt nếu độ thanh thải creatinin dưới 60 ml/phút. Cần theo dõi men gan ở bệnh nhân suy gan.
- Nên tránh uống rượu trong thời gian điều trị.



- Cần thận trọng với bệnh nhân tăng nhãn áp và bệnh nhân Parkinson.
- Cần thận trọng với bệnh nhân bị rối loạn đông máu hoặc phẫu thuật lớn hoặc xuất huyết nghiêm trọng, vì piracetam ảnh hưởng đến sự kết tập tiểu cầu.
- Khi điều trị kéo dài cho bệnh nhân cao tuổi, nên thường xuyên đánh giá lại độ thanh thải creatinin để điều chỉnh liều nếu cần.
- Thuốc này có chứa lactose. Bệnh nhân có vấn đề di truyền hiếm gặp về không dung nạp galactose, thiếu hụt lactase hoàn toàn hoặc kém hấp thu glucose-galactose không nên dùng thuốc này.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Phụ nữ có thai:

Mặc dù không có thông tin về tác dụng gây quái thai của thuốc, không khuyến cáo dùng thuốc trong ba tháng đầu thai kỳ.

Phụ nữ cho con bú:

Piracetam được bài tiết vào sữa mẹ, do đó không khuyến cáo dùng thuốc cho phụ nữ đang cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC: Hiện vẫn chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Tương tác của thuốc:

Tăng tác dụng an thần đã được báo cáo khi sử dụng đồng thời với thuốc ức chế thần kinh trung ương, thuốc chống trầm cảm ba vòng và rượu. Thuốc này làm tăng tác dụng của thuốc bổ thần kinh, thuốc hạ huyết áp và thuốc giãn mạch. Sử dụng đồng thời với thuốc giãn mạch sẽ làm tăng tác dụng của thuốc này còn cinarizin làm giảm tác dụng của thuốc hạ huyết áp.

Thuốc này làm tăng tác dụng của hormon tuyến giáp và có thể gây run, lo lắng. Thuốc này cũng có thể làm tăng tác dụng của thuốc chống đông đường uống.

Tương kỵ của thuốc: Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Rất hiếm gặp (ADR < 1/10 000):

Phản ứng da và quá mẫn: Nhạy cảm với ánh sáng, phát ban, ngứa, mào đay, viêm da, phù mạch, phản ứng phản vệ.

Rối loạn tiêu hóa: Đau bụng, tiêu chảy, buồn nôn, nôn, khô miệng, tăng tiết nước bọt.

Rối loạn hệ thần kinh: Mất điều hòa, động kinh tiền triển, nhức đầu, mất ngủ, buồn ngủ (nhất là khi bắt đầu điều trị), mất thăng bằng, lú lẫn, mờ mắt, mệt mỏi.

Rối loạn tâm thần: Áo giác, chóng mặt (rối loạn tai và mê đạo), kích động, bồn chồn.

Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng: Tăng cân.

Dùng kéo dài ở bệnh nhân cao tuổi có thể gây ra các triệu chứng ngoại tháp.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Thuốc được dung nạp tốt và không có tác dụng phụ nghiêm trọng nào được báo cáo trong trường hợp quá liều dẫn đến phải ngừng sử dụng.

Trong trường hợp quá liều, các triệu chứng chính ở trẻ em là mất ngủ, lo lắng, hưng phấn,

39570
CÔNG TY
HÂN
PHẨM
GHỆ C
PHA
MỸ-T.8

kích động, run và hiếm khi gặp ác mộng, ảo giác và co giật.

Điều trị quá liều là điều trị triệu chứng.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:

Nhóm dược lý: Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh, thuốc chống chóng mặt.

Mã ATC: N07CA52

Hiệu quả điều trị của piracetam chưa được xác định rõ ràng. Các tác dụng được biết đến nay đã được chứng minh trong một số nghiên cứu trên động vật. Thuốc đã được chứng minh cải thiện dẫn truyền thần kinh GABA-ergic, cholinergic và glutamatergic; thuốc tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền tải thông tin trong và liên bán cầu; thuốc có tác dụng chống thiếu máu cục bộ do tác dụng lên quá trình chuyển hóa và huyết học.

Cinarizin là chất đối kháng chọn lọc calci và thụ thể histamin H₁. Thuốc ức chế vận chuyển ion calci qua màng tế bào, ngăn cản ion calci xâm nhập vào tế bào cơ trơn mạch máu. Cinarizin ức chế tác dụng của thuốc co mạch như catecholamin, angiotensin và bradykinin. Cinarizin làm giãn nhẹ mạch máu não, mạch vành và mạch máu ngoại vi. Thuốc cũng làm giảm rối loạn mê đạo. Thuốc làm tăng chuyển hóa carbon dioxid trong máu não, thuốc cũng cải thiện sức đề kháng của tế bào đối với tình trạng thiếu oxy. Cinarizin không ảnh hưởng đáng kể đến huyết áp động mạch và nhịp tim.

Dạng thuốc phối hợp có tác dụng chống thiếu oxy rõ rệt.

Hai hoạt chất này tăng cường lẫn nhau về tác dụng chống thiếu oxy và làm giảm sức cản mạch máu não. Sự kết hợp này làm tăng lưu lượng máu não.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Dạng thuốc phối hợp này được hấp thu tốt qua đường tiêu hóa. Cinarizin đạt nồng độ tối đa trong huyết tương trong vòng 1 giờ sau khi uống. Cinarizin được chuyển hóa hoàn toàn, liên kết với protein huyết tương 91%, 60% được bài tiết dưới dạng không đổi qua phân và phần còn lại qua nước tiểu. Nồng độ tối đa trong huyết tương của piracetam đạt được trong vòng 2 đến 6 giờ. Thuốc dễ dàng vượt qua hàng rào máu não. Thuốc được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không đổi.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

- + Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.
- + Hộp 1 lọ x 100 viên, 200 viên.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: TCCS.

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA

Địa chỉ: Lô đất CN-2, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa,
Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam